TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2024
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Nguyễn Quốc Sửu
2. Ông: Trần Văn Thiện
- Thư ký phiên toà: bà Đồng Khánh Ly – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: Bà Trần Lệ Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 11/2024/QĐST-DS, ngày 12/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị D, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú. Thôn Ngo, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn Bùi, xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn N, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi ở: Thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lưu Thị D trình bày: Chị và anh Vũ Văn N có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/12/2004 tại UBND xã L, huyện T. Sau khi kết hôn chị về nhà anh N làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình liên quan đến chuyện tiền nong. Do chị đi xuất khẩu lao động gửi tiền về nhưng anh N tiêu pha hết, không vun vén gia đình, thường xuyên giục chị gửi tiền về, khi không có tiền gửi anh N chửi bới

chị. Vợ chồng chị đã ly thân không ai quan tâm tới ai từ tháng 8/2018 đến nay. Năm 2020 anh N đã nộp đơn xin ly hôn chị tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang sau đó lại rút đơn. Đầu năm 2023 chị về nước hẳn nhưng chị không về nhà anh N mà về nhà mẹ đẻ chị ở S sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Đức C, sinh ngày 21/9/2006, Vũ Đức Q, sinh ngày 30/9/2010. Hiện cả 2 con cùng chị sinh sống tại nhà mẹ đẻ chị ở S, nay ly hôn chị xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con bởi từ năm 2015 khi chị đi xuất khẩu lao động, chị gửi 2 con về cho bố mẹ chị trông nom, chăm sóc. Từ khi ly thân chị là người đóng góp toàn bộ chi phí, ăn uống, học hành, sinh hoạt cho cả hai con, anh N không có trách nhiệm đóng góp khoản nào nuôi con. Hiện nay chị đang làm điều dưỡng tại trại Dưỡng lão - T - H ội, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000đồng/1 tháng đủ điều kiện nuôi con. Còn bản thân anh N trước đây làm thợ xây, khi thì đi ép cọc bê tông nhưng đến nay, anh N làm nghê gì, thu nhập bao nhiêu chị không nắm được bởi anh N thường xuyên vắng nhà.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh N không đến làm việc. Qua xác minh tại địa phương cung cấp. Chị D, anh N có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã L. Hai anh chị kết hôn năm 2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T. Sau khi kết hôn chị D về nhà anh N làm dâu được khoảng vài năm thì ra ở riêng. Khoảng năm 2015 - 2016 chị D đi xuất khẩu lao động, thời gian đầu chị D đi thì 2 con ở với anh N được một thời gian thì anh N đưa 2 con về nhà ngoại ở thôn B, xã S để ông bà ngoại chăm sóc. Đầu năm 2023 chị D về nước nhưng không thấy chị D về nhà anh N ở mà chị về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã S sinh sống cùng hai con.

Về con chung vợ chồng có 02 con chung là Vũ Đức C và Vũ Đức Q, cả hai con đều sống tại S cùng chị N.

Về tài sản chung địa phương không nắm rõ.

Hiện tại anh N đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà, nhưng về thất thường không có thời gian cụ thể. Bố mẹ anh N đều đã chết hết. Anh N có một người anh ở gần nhà anh N nhưng cũng đi làm thường xuyên vắng nhà.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định, không đến làm

việc, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 238 Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lưu Thị D. Xử cho chị D được ly hôn anh Vũ Văn N

Con chung: Giao cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Vũ Đức C, sinh ngày 21/9/2006 và Vũ Đức Q, sinh ngày 30/9/2010, về cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác chị D, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

Về án phí: chị D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định.

Về quyền kháng cáo. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị D nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn là anh Vũ Văn N, xác định quan hệ tranh chấp "ly hôn, nuôi con". Bị đơn anh N có nơi cư trú: xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý, giải quyết anh N đã được niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N không đến tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, không đến tham gia phiên tòa, chị D có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227, khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D, anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị D kết hôn cùng với anh Vũ Văn N trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại điều 9 luật hôn nhân & gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do xuất phát từ kinh tế gia đình, anh N mải chơi, không tu trí làm ăn không quan tâm tới gia đình, vợ con, vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ từ tháng 6 năm 2028 cho đến

nay. Nay chị D xin ly hôn, anh N mặc dù không có nhà nhưng qua xác minh tại địa phương cũng như các tài liệu chứng cứ thu thập được , được biết vợ chồng chị D, anh N kết hôn từ năm 2004 , đến tháng 7/2020 do mâu thuẫn vợ chồng anh N đã làm đơn xin ly hôn chị doan ra Toà án, sau đó anh N đã rút đơn nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị D về nước nhưng chị cũng không về chung sống với anh N, anh N cũng không đón gọi điều đó chứng tỏ tỉnh cảm vợ chồng đã lạnh nhạt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Lưu Thị D được ly hôn anh Vũ Văn N.

[3] Về con chung: chị D, anh N có 2 con chung là Vũ Đức C, sinh ngày 21/9/2006, Vũ Đức Q, sinh ngày 30/9/2010. Hiện cả 2 con cùng ở với chị D, các con chung khoẻ mạnh, phát triển bình thường, nay ly hôn chị xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hai con chung từ nhỏ vẫn ở với chị D, nay ly hôn con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ. Về điều kiện nuôi con. Hiện nay chị đang làm điều dưỡng tại trại Dưỡng lão - T - Hà Nội, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000đồng/1 tháng đủ điều kiện nuôi con. Còn bản thân anh N1 xuyên đi làm ăn vắng nhà, không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con do vậy cần giao hai con chung cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế. Chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cấp xem xét.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tiền án phí: Chị D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lưu Thị D. Xử cho chị Lưu Thị D được ly hôn anh Vũ Văn N

2. Về con chung : Giao cho chị Lưu Thị D trực tiếp nuôi hai con chung là Vũ Đức C, sinh ngày 21/9/2006, Vũ Đức Q, sinh ngày 30/9/2010. Về cấp dưỡng

nuôi con chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng; Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, chị D không yêu cầu giải quyết.

4. Về tiền án phí: Chị Lưu Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 0006558 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyệnTân Yên;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh